TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2019/DS-PT
Ngày 09-10-2019
V/v tranh chấp lối đi chung và yêu cầu di dời tài sản trên đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Hồ Đức Châm.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tuệ;

Bà Nguyễn Thị Minh Thùy.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2019/TLPT-DS ngày 16 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp lối đi chung và yêu cầu di dời tài sản trên đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐ-PT ngày 30 tháng 8 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa ngày 10/9/2019; Quyết định hoãn phiên tòa ngày 17/9/2019; Quyết định hoãn phiên tòa ngày 27/9/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Hoàng Văn N, sinh năm 1950; cư trú tại: Thôn N, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc Hoàn, Luật sư và ông Dương Văn Nghị, Luật sư Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn thực hành luật Nguyễn Chiến thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; Địa chỉ: Số 52, phố Quán Sứ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Hoàng Quốc C, sinh năm 1980; cư trú tại: Thôn N, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lô Thị P, sinh năm 1949; cư trú tại: Thôn N, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Chị Hoàng Thị C, sinh năm 1972; cư trú tại: Thôn N, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

3. Anh Hoàng Văn N1, sinh năm 1983; cư trú tại: Thôn N, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Lô Thị P, chị Hoàng Thị C, anh Hoàng Văn N1: Ông Hoàng Văn N, theo văn bản ủy quyền ngày 24/5/2019; có mặt.

4. Bà Vi Thị B, sinh năm 1941; cư trú tại: Thôn N, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

5. Chị Lục Thùy D, sinh năm 1980, cư trú tại: Thôn N, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn ủy quyền cho anh Hoàng Quốc C theo văn bản ủy quyền ngày 23 tháng 12 năm 2018; vắng mặt.

6. Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã Q, huyện C; địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND xã Q: Ông Linh Văn S - Phó chủ tịch, theo văn bản ủy quyền ngày 13 tháng 5 năm 2019; có mặt.

Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1945; có mặt.

2. Bà Hoàng Thị L sinh năm 1949; vắng mặt .

3. Bà Vi Thị T, sinh năm 1933; vắng mặt.

4. Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1964; có mặt.

5. Bà Hoàng Thị T1, sinh năm 1952; có mặt.

6. Bà Hoàng Thị T2, sinh năm 1961; có mặt.

7. Ông Hoàng Văn D, sinh năm 1963; có mặt.

Cùng cư trú: Thôn N, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

8. Bà Hoàng Thị T3, sinh năm 1951; địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

9. Ông Vi Văn Đ, sinh năm 1957, địa chỉ: Khu G, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

10. Ông Hoàng Đình T; vắng mặt.

11. Ông Vi Văn K; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn Làng T, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

13. Ông Nguyễn Văn C; vắng mặt.

14. Bà Hoàng Thị C1; vắng măt.

Cùng cư trú tại: Thôn N, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

15. Bà Hoàng Thị H; nơi cư trú: P, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Ông Hoàng Văn N, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn, vụ án được tóm tắt như sau:

Theo lời khai nguyên đơn ông Hoàng Văn N và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía gia đình ông Hoàng Văn N trình bày: Năm 1987 gia đình ông Hoàng Văn N xây nhà trên thửa đất số 78 đồng thời bỏ đất của ba thửa: 71, 77, 78 để làm lối đi chung. Đoạn không giáp ranh với thửa đất nhà anh Hoàng Quốc C là đoạn đi qua thửa 71 và thửa 77 với diện tích khoảng 40m^2 và một phần thửa 78 giáp ranh với thửa 85 và thửa 290 của gia đình anh Hoàng Quốc C. Ngày 25 tháng 02 năm 2016 anh Hoàng Quốc C lên nhà ông Hoàng Văn N đặt vấn đề đổi đoạn đường đi chung để lấy toàn bộ thửa đất số 77 của gia đình ông Hoàng Văn N nhưng gia đình ông Hoàng Văn N không đồng ý. Đầu tháng 3 năm 2016 anh Hoàng Quốc C tự ý xây dựng các công trình phụ lấn chiếm con đường đi chung, xây dựng tường bao không đúng quy định cột trụ lấn sang thửa đất số 77, tự ý nắn con mương nước từ cống đường quốc lộ chảy ngược lên phía nhà ông gây ảnh hưởng đến gia đình ông Hoàng Văn N. Đến tháng 4 năm 2016 anh Hoàng Quốc C tiếp tục bịt lối đi vào nhà ông Hoàng Văn N làm gia đình ông không có lối đi. Anh C lấn chiếm khoảng 60m^2 trị giá khoảng 30 triệu đồng. Ông Hoàng Văn N yêu cầu anh Hoàng Quốc C tháo dỡ những công trình xây dựng trái phép trên con đường đi chung, trả lại nguyên trạng con đường như cũ; tháo dỡ con mương tự ý xây nắn từ đường quốc lộ chảy ngược lên phía nhà ông Hoàng Văn N; tháo dỡ cột tường rào xây lấn sang phần đất của nhà ông Hoàng Văn N.

Bị đơn anh Hoàng Quốc C trình bày và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía anh Hoàng Quốc C trình bày: Con đường ông Hoàng Văn N cho là lối đi chung là đất nhà anh Hoàng Quốc C năm 1987 ông Hoàng Văn N làm nhà đã đào hàng cây râm bụt ngăn cách giữa hai gia đình làm móng nhà coi như hết đất (có các cụ cao niên hàng xóm làm chứng). Con mương nhà anh Hoàng Quốc C cho đi trên đất nhà anh Hoàng Quốc C không đổ sang nhà ông Hoàng Văn N. Tường rào chạy thẳng lên đường quốc lộ, khi xây ông Hoàng Văn N không có ý kiến gì, vì trước khi đào móng anh Hoàng Quốc C đã gọi ông Hoàng Văn N ra cùng thợ xây trao đổi chứng kiến ranh giới, ông Hoàng Văn N vui vẻ đồng ý. Anh Hoàng Quốc C cho rằng mẹ anh, bà Vi Thị B là người thừa kế về đất đai và cũng là người đứng ngang hàng với ông Hoàng Văn N và cũng chưa ủy quyền thừa kế cho anh Hoàng Quốc C, đặc biệt còn đủ minh mẫn để nói chuyện giải quyết đất đai với ông Hoàng Văn N. Nay ông Hoàng Văn N yêu cầu anh Tháo dỡ công trình xây dụng trên đường đi chung anh không đồng ý.

Tại công văn số 23/UBND ngày 13 tháng 3 năm 2019 của UBND xã Q, huyện C cung cấp tài liệu chứng cứ cho thấy; UBND xã Q cung cấp 700kg xi măng cho hai hộ ông Hoàng Văn N và anh Hoàng Quốc C vào cuối năm 2003 và đầu năm 2004 theo chủ trương của tỉnh, huyện và xã để làm đường bê tông nông thôn theo

nguyện vọng của các hộ gia đình có nhu cầu. Còn về đất để làm lối đi chung là do các hộ tự thỏa thuận hiến đất làm lối đi chung. Hiện tại lối đi chung được thể hiện trên bản đồ số 41 lập năm 2004 là lối đi chung không cấp cho hộ gia đình nào, do hai hộ tự quản lý sử dụng chung.

Tại biên bản xem xét thẩm định ngày 21 tháng 02 năm 2019 xác định được diện tích đất đường đi chung có các cạnh, các phía tiếp giáp như sau:

Phía Đông tiếp giáp với đất nhà ông Hoàng Văn N từ điểm A đến điểm B, D có tổng chiều dài cạnh là 19,29 mét.

Phía Nam tiếp giáp đất hộ anh Hoàng Quốc C từ điểm D đến điểm E,F, G có tổng chiều dài cạnh là 4,25 mét.

Phía Tây tiếp giáp đất hộ anh Hoàng Quốc C từ điểm G đến điểm F, P, Q có tổng chiều dài cạnh là 19,52 mét.

Phía Bắc tiếp giáp với đường đất theo bản đồ địa chính lập năm 2004 (hiện đã đổ bê tông), tính từ điểm Q đến điểm A có chiều dài cạnh là 1,83 mét.

Tổng diện tích đất đường đi chung là 60,4m^2, trong đó có 07,0m^2, gồm đất trống và tường rào, nhà kho của ông Hoàng Văn N; 1,8m^2 là rãnh thoát nước giữa tường rào nhà ông Hoàng Văn N và tường rào nhà anh Hoàng Quốc C; các công trình phụ anh Hoàng Quốc C đã xây dựng trên diện tích đất tranh chấp là 20,0m^2 còn lại đất trống là 31,6m^2.

Người làm chứng:

Bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi và là hàng xóm, không có quan hệ thân thích với nguyên đơn và bị đơn. Bà đã sống lâu năm ở thôn Núi Đá nên biết rõ về đường đi đầu hồi nhà ông Hoàng Văn N là phần đất của nhà bà Vi Thị B mẹ đẻ của anh Hoàng Quốc C được thừa kế.

Bà Hoàng Thị T là hàng xóm không có quan hệ thân thích với nguyên đơn và bị đơn, xác nhận về đường đi chung đang tranh chấp là phần đất của nhà anh Hoàng Quốc C được thừa kế theo bản đồ đo vẽ năm 1999.

Bà Hoàng Thị T2 là con đẻ của bà Vi Thị B nên biết rất rõ về phần đất gia đình bà Vi Thị B đóng góp làm đường đi chung toàn bộ là đất của gia đình bà Vi Thị B theo bản đồ đo vẽ năm 1999.

Anh Hoàng Văn D là con trai ruột của bà Vi Thị B và là anh trai của Hoàng Quốc C xác nhận anh biết rất rõ về đất của gia đình anh khi làm đường đi chung, gia đình anh đã góp toàn bộ phần đất trên đường đi chung hiện nay, gia đình ông Hoàng Văn N khi làm nhà đã tận dụng hết phần đất của nhà ông Nghĩa theo bản đồ năm 1999.

Bà Hoàng Thị T3 là cô ruột của anh Hoàng Quốc C và là em dâu của bà Vi Thị B đã sống lâu năm tại thôn Núi Đá biết rất rõ về phần đất làm đường đi chung hiện đang tranh chấp là phần đất của nhà bà Vi Thị B.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2019 và Quyết định sửa chữa, bổ sung quyết định sơ thẩm số 01/2019/QĐ-SCBSBA ngày 15/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn N cụ thể: Ông Hoàng Văn N được quản lý sử dụng diện tích 07,0m^2 đất đường đi chung và tài sản trên đất tại thôn Núi Đá, xã Q, huyện C có các phía tiếp giáp như sau;

Phía Đông giáp đất ông Hoàng Văn N tính từ điểm B đến điểm D có chiều dài cạnh là 10,07 mét; Phía Nam tiếp giáp đất hộ anh Hoàng Quốc C, tính từ điểm D đến điểm E có chiều dài cạnh là 0,52 mét; Phía Tây giáp đất hộ anh Hoàng Quốc C, tính từ điểm E đến điểm I có chiều dài cạnh là 10,11 mét; Phía Bắc giáp đất trống đường đi đã đổ bê tông, tính từ điểm I đến điểm B có chiều dài cạnh là 0,69 mét.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Hoàng Văn N đòi tháo dỡ, di dời những công trình xây dựng trên lối đi chung, cụ thể; Anh Hoàng Quốc C được quản lý sử dụng diện tích 53,4m^2 đất tranh chấp và các công trình xây dựng trên đất tranh chấp, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 912542 mang tên ông Hoàng Văn Thông theo tờ bản đồ đất thổ cư đo vẽ năm 1999 tại Thôn N, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn có các phía tiếp giáp như sau:

Phía Đông giáp đất ông Hoàng Văn N có các cạnh tiếp giáp từ điểm A đến điểm B, I, C và điểm E có chiều dài canh là 8,48m +0,74m + 0,69m + 2,81m + 5,97m + 1,23m tổng chiều dài cạnh là 19,92 mét; Phía Nam giáp đất hộ anh Hoàng Quốc C, tính từ điểm E đến điểm F, G có chiều dài cạnh là 3,83 mét; Phía Tây giáp đất hộ anh Hoàng Quốc C, tính từ điểm G đến điểm F, P, Q có chiều dài cạnh là 19,52 mét; Phía Bắc giáp đất trống đường đi đã đổ bê tông, tính từ điểm Q đến điểm A có chiều dài cạnh là 1,83 mét.

Tổng diện tích đất có tài sản trên đất là 53,4m^2 (*có sơ họa kèm theo*).

Ngoài ra bản án còn tuyên nghĩa vụ chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/6/2019, ông Hoàng Văn N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn thay đổi nội dung kháng cáo đề nghị hội đồng xét xử hủy bản án dân sự sơ thẩm giao hồ sơ cho tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Bị đơn anh Hoàng Quốc C và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng Văn N.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Kháng cáo của nguyên đơn ông Hoàng Văn N lập trong thời hạn luật định là hợp lệ. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thấy con đường đi chung được hình thành do 02 hộ gia đình sử dụng. Quá trình sử dụng hai hộ xây dựng công trình lên con đường đi chung. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ tờ bản đồ số 12 và bản đồ năm 1999 giải quyết nhưng trong hồ sơ không thể hiện. Tại phiên tòa sơ thẩm cơ quan chuyên môn xác định bản đồ năm 1999 không có giá trị pháp lý; bản đồ năm 199 và năm 2004 có sự khác biệt trong việc thể hiện con đường đi chung chưa được cấp sơ thẩm xác minh làm rõ nhưng cấp sơ thẩm giải quyết chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện là không đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Ngoài ra Bản án sơ thẩm có Quyết định đính chính sửa chữa bổ sung bản án, nội dung đính chính, sửa chữa bổ sung đã làm thay đổi bản chất, nội dung vụ án, vi phạm khoản 1 Điều 268 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử hủy bản án dân sự sơ thẩm để giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của ông Hoàng Văn N nộp trong thời hạn luật định, là hợp lệ.

[2] Về nguồn gốc đất tranh chấp: Theo các đương sự trình bày là con đường đi chung được hình thành từ năm 1987 khi gia đình ông Hoàng Văn N xây nhà, hai gia đình ông Hoàng Văn N và anh Hoàng Quốc C cùng nhau thỏa thuận bỏ ra một phần diện tích đất để làm lối đi chung cho cả hai hộ gia đình, phần diện tích đất do hai bên bỏ ra để làm đường không được lập thành văn bản, không có sơ họa thửa đất, không xác định được diện tích đất của các bên bỏ ra làm đường là bao nhiêu. Tuy nhiên hai bên đều thừa nhận được bỏ ra một phần diện tích đất để làm lối đi chung, lối đi chung được thể hiện trong bản đồ đo đạc địa chính xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thuộc thửa đất số 87, tờ bản đồ số 41, diện tích 10890m^2, bản đồ địa chính xã Q, huyện C đo vẽ năm 2004.

[3] Tại công văn số 23/UBND ngày 13 tháng 3 năm 2019 của UBND xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án: UBND xã Q cấp 700kg xi măng cho hai hộ gia đình ông Hoàng Văn N và anh Hoàng Quốc C vào cuối năm 2003 và đầu năm 2004 để làm đường giao thông nông thôn theo chủ trương của tỉnh, huyện, xã và theo nguyện vọng của hai hộ gia đình, nên xác định lối đi chung là do hai hộ gia đình ông Hoàng Văn N và anh Hoàng Quốc C tự hiến đất làm lối đi chung và do hai hộ tự quản lý sử dụng chung.

[4] Xét nội dung kháng cáo của ông Hoàng Văn N yêu cầu anh Hoàng Quốc C phải tự tháo dỡ, di dời các tài sản xây dựng trái phép trả lại nguyên trạng lối đi chung cho hai hộ gia đình. Hội đồng xét xử, xét thấy: Đất tranh chấp là lối đi chung do hai hộ gia đình đóng góp để làm lối đi chung của hai hộ gia đình nhưng cấp sơ thẩm nhận định do hai hộ gia đình không còn nhu cầu sử dụng lối đi chung nên xử

giao ông Hoàng Văn N được quản lý, sử dụng diện tích 07,0m^2 đất đường đi chung và tài sản trên đất phần đất lối đi chung do ông Hoàng Văn N đã xây dựng. Không chấp nhận yêu cầu của ông Hoàng Văn N đòi tháo dỡ, di dời những công trình xây dựng trên phần lối đi chung còn lại do anh Hoàng Quốc C đã xây dựng và giao cho anh Hoàng Quốc C được quản lý sử dụng diện tích 53,4m^2. Tuyên như vậy là không phù hợp với quy định của pháp luật, gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của của cả hai bên đương sự.

[5] Để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của hai hộ gia đình vẫn có lối đi chung và không bị ảnh hưởng đến các công trình đã xây dựng ở phía cuối con đường, ngày 22/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đã xác định được đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 87, diện tích 40,7m^2, tờ bản đồ số 41 bản đồ địa chính xã Q; thuộc địa danh: Thôn N, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; so với Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng diện tích đất tranh chấp ít hơn 19,7m^2. Đất tranh chấp được thể hiện trên mảnh trích đo địa chính số 26-2019 được ký hiệu ABCDEFGHK. Phần diện tích lối đi chung không nằm trong GCNQSDĐ của hộ gia đình ông Hoàng Văn N và hộ gia đình nhà anh Hoàng Quốc C. Phần cuối của con đường đi chung lối vào nhà anh Hoàng Quốc C đã bị hai hộ gia đình anh Hoàng Quốc C và gia đình ông Hoàng Văn N xây dựng lấn chiếm trái phép. Trong đó gia đình anh Hoàng Quốc C xây dựng một phần trái nhà, công trình phụ và đặt téc nước phía trên công trình phụ diện tích 07,2m^2; phần đường còn lại ông Hoàng Văn N xây dựng một phần nhà kho và tường rào phía sau nhà kho đến hết đất của gia đình ông Hoàng Văn N diện tích 05,0m^2. Trên cơ sở kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, Hội đồng xét xử phúc thẩm, xét thấy có căn cứ để chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng Văn N đối với phần diện tích đất lối đi chung của 02 hộ gia đình được được thể hiện trên sơ họa mảnh trích đo địa chính số 26-2019 ký hiệu ABCDEK, có diện tích (S1 + S2) = 28,5m^2; tài sản trên phần lối đi chung anh Hoàng Quốc C hiện tại xây dựng một đoạn tường bao ký hiệu DE = 2,81m. Buộc anh Hoàng Quốc C có nghĩa vụ phải tự tháo dỡ, di dời đi nơi khác trả lại nguyên trạng phần lối đi chung (S1 + S2).

[6] Phần diện tích đất còn lại là phần cuối con đường lối đi chung vào nhà anh Hoàng Quốc C được ký hiệu EFGHK, có diện tích (S3 + S4) = 12,2m^2; hiện tại anh Hoàng Quốc C và ông Hoàng Văn N đã xây dựng công trình trái phép không sử dụng làm lối đi chung nữa, anh Hoàng Quốc C đã tự mở lối đi khác vào nhà. Hội đồng xét xử, xét thấy: Đất là do hai hộ đóng góp góp vào để mở lối đi chung, sử dụng chung. Hiện tại, thực tế 02 hộ gia đình không còn sử dụng phần lối đi chung này, cả hai bên đều xây dựng công trình trên đất, xét thấy: Không cần thiết phải buộc tháo dỡ các công trình trên đất để trả lại lối đi chung, nếu buộc phải tháo dỡ sẽ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên đương sự. Do vậy, cần giữ nguyên như hiện trạng các bên đang sử dụng. (có mảnh trích đo địa chính số 26-2019 kèm theo).

[7] Đối với Quyết định sửa chữa, bổ sung quyết định sơ thẩm số 01/2019/QĐ-SCBSBA ngày 15/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn do vi phạm tố tụng vì chưa được Hội đồng xét xử thông qua tại Biên bản nghị án. Do vậy không có cơ sở chấp nhận.

[7] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản của 02 lần (ngày 19/01/2018 và ngày 21/02/2019) là 7.644.000 đồng. Ông Hoàng Văn N tạm ứng trước để chi phí. Do cả hai bên đều có lỗi nên mỗi bên phải chịu 50% chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Cấp sơ thẩm xác định ông Hoàng Văn N phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận là 5/6 phần; anh Hoàng Quốc C phải chịu chi phí thẩm định và định giá tài sản là 1/6 phần và buộc ông Hoàng Văn N phải chịu 6.644.000 đồng; anh Hoàng Quốc C phải chịu 1.000.000 đồng là không phù hợp với quy định của pháp luật cần sửa Bản án sơ thẩm buộc nguyên đơn và bị đơn mỗi người phải chịu 50% chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Ông Hoàng Văn N đã tạm ứng trước số tiền 7.644.000 đồng để chi trả. Buộc anh Hoàng Quốc C phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Hoàng Văn N 1/2 số tiền là 3.822.000 đồng (ba triệu tám trăm hai mươi hai nghìn đồng)

[8] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa Bản án sơ thẩm nên nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại cho phù hợp. Do yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn N được chấp nhận một phần nên cả hai bên nguyên đơn và bị đơn đều phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Đây là vụ án dân sự tranh chấp lối đi chung nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Hoàng Văn N phải chịu tiền án phí dân sự có giá ngạch là không đúng với quy định tại khoản 1 và 4 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Hoàng Văn N, sinh năm 1950, là người cao tuổi có đơn xin miễn toàn bộ án phí. Xét thấy, ông Hoàng Văn N thuộc diện được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Do vậy, Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả ông Hoàng Văn N số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2011/03147 ngày 07/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn. Anh Hoàng Quốc C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa Bản án sơ thẩm nên ông Hoàng Văn N không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Hoàng Văn N số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2012/04968 ngày 19/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

Ý kiến của đại diện UBND xã Q, huyện C xác định đây là lối đi chung do hai gia đình tự góp đất và do hai hộ gia đình tự giải quyết là có căn cứ.

[10] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng đây là con đường đi công cộng là không có cơ sở không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên không được chấp nhận.

[11] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử phúc thẩm, vì tại cấp phúc thẩm đã đi xem xét thẩm định lại và

xác định đất tranh chấp theo bản đồ đo đạc năm 2004 nên ý kiến của Kiểm sát viên về việc thu thập bản đồ năm 1999 và bản đồ năm 2004 để đối chiếu chồng ghép bản đồ là không còn phù hợp nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 2 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Hoàng Văn N; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn; cụ thể:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 155, 166, 203 Luật Đất Đai năm 2013; các Điều 163, 164, 254, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ, khoản 1 Điều 12, 14, khoản 1 và 4 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng Văn N về việc quản lý, sử dụng lối đi chung, cụ thể:

Công nhận một phần lối đi chung đang tranh chấp thuộc thửa đất số 87, diện tích (S1 + S2) = 28,5m^2, tờ bản đồ số 41 bản đồ địa chính xã Q, được thể hiện trên mảnh trích đo địa chính số 26-2019 ký hiệu ABCDEK; địa danh: Thôn N, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, là lối đi chung của 02 hộ gia đình ông Hoàng Văn N và anh Hoàng Quốc C, có tứ cận tiếp giáp như sau:

Phía Bắc giáp đường bê tông nối ra đường 279;

Phía Nam giáp thửa đất số 85 của gia đình ông Hoàng Quốc C;

Phía Đông giáp thửa đất số 78 của gia đình ông Hoàng Văn N;

Phía Tây giáp thửa đất số 85 và thửa 290 của gia đình ông Hoàng Quốc C.

2. Về tài sản trên phần lối đi chung: Buộc anh Hoàng Quốc C phải tự tháo dỡ, di dời đi nơi khác đoạn bức tường bao ký hiệu DE = 2,81m, trả lại nguyên trạng lối đi chung.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn N đối với phần diện tích đất lối đi chung còn lại đang tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 87, diện tích (S3 + S4) = 12,2m^2, tờ bản đồ số 41 bản đồ địa chính xã Q, được thể hiện trên mảnh trích đo địa chính số 26-2019 ký hiệu EFGHK bị hộ gia đình anh Hoàng Quốc C xây dựng một phần trái nhà, công trình phụ và đặt téc nước, diện tích 07,2m^2; phần đường còn lại ông Hoàng Văn N xây dựng một phần nhà kho và tường rào phía sau nhà kho, diện tích 05,0m^2.

(Có mảnh trích đo địa chính số 26-2019 ngày 22/8/2019 kèm theo).

4. Buộc hộ gia đình anh Hoàng Quốc C và hộ gia đình ông Hoàng Văn N phải chấm dứt việc tranh chấp lối đi chung.

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng số tiền 7.644.000đ (bảy triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng); ông Hoàng Văn N ứng trước để chi. Buộc anh Hoàng Quốc C phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Hoàng Văn N 1/2 số tiền: 3.822.000đ (ba triệu tám trăm hai mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày ông Hoàng Văn N có đơn yêu cầu được thi hành án nếu anh Hoàng Quốc C không trả được số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định của Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự.

6. Không chấp nhận Quyết định sửa chữa, bổ sung quyết định sơ thẩm số 01/2019/QĐ-SCBSBA ngày 15/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hoàng Văn N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả ông Hoàng Văn N số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2011/03147 ngày 07 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chi Lăng. Anh Hoàng Quốc C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

8. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hoàng Văn N không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả lại cho ông Hoàng Văn N số tiền án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2012/04968 ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 ,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao HN;
- VKSND Cấp cao HN;
- VKSND tỉnh LS;
- TAND huyện Chi Lăng, tỉnh LS.
- Chi cục THADS huyện Chi Lăng;
- Các đương sự;
- HCTP, KTNV, THA
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Đức Châm